

Bản án số: 361/2026/DS-PT
Ngày 12 – 5 – 2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán:

- Bà Tiêu Hồng Phượng.
- Ông Nguyễn Thành Lập.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2026/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2026, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2026/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 285/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1956. CCCD: 95056000372 cấp ngày 23/4/2021. SĐT: 0917.833.797 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau.**2. Bị đơn:** Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1982. CCCD: 095182013368 cấp ngày 18/11/2021. SĐT: 0823.912.327 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Bị đơn chị Phạm Thị Diễm .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Huỳnh Văn N trình bày: Ngày 04/7/2017, chị Phạm Thị D mua thức ăn và thuốc nuôi tôm của ông, hai bên thỏa thuận khi nào thu hoạch ao nuôi, chị D phải thanh toán toàn bộ tiền thức ăn và thuốc còn thiếu. Ngày 28/12/2023, chị D và ông đã chiếu công nợ, thống nhất xác định chị D còn thiếu tổng số tiền 85.833.000 đồng. Chị D xin giảm nợ xuống còn 50.000.000 đồng,

ông cũng đồng ý, nhưng yêu cầu chị D phải trả trong năm 2024. Tuy nhiên, đến nay chị D vẫn không thực hiện như cam kết. Nên, ông yêu cầu chị D trả đủ 85.833.000 đồng. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi chị D trả số tiền 5.000.000 đồng. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn chị Phạm Thị D trình bày: Năm 2017, chồng chị là anh Võ Văn H có mượn đất của mẹ chồng chị để nuôi tôm công nghiệp và có mua thức ăn, thuốc cho tôm của ông N. Quá trình nhận thuốc và thức ăn cho tôm anh H là người ký nhận vào sổ theo dõi của ông N nhưng chị là người gửi tiền trả cho ông N, trả nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể số tiền. Cuối năm 2023, vợ ông N có đến nhà đòi nợ chị, chị xác định sẽ trả nợ nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin chỉ trả số tiền 50.000.000 đồng, vợ ông N cũng đã đồng ý nên chị mới viết cam kết. Nội dung cam kết đúng như ông N đã trình bày. Như vậy, chị chỉ đồng ý trả cho ông N 50.000.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2026/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N. Buộc chị Phạm Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn N số tiền 85.833.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N về việc yêu cầu chị D trả số tiền 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí quyền thoả thuận thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 23/01/2026, bị đơn chị Phạm Thị D kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2026/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Cà Mau, bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Phạm Thị Diễm G nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2026/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Cà Mau. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát

biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị Diễm hợp L. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 278, Điều 280 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chị D trả tiền mua thức ăn và thuốc cho tôm còn nợ 85.833.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị D:

[3.1] Các đương sự thừa nhận có sự việc thoả thuận ông N bán thức ăn và thuốc nuôi tôm cho chị D, thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Ông N cho rằng, sau khi kết thúc nuôi tôm chị D còn nợ lại ông số tiền 140.833.000 đồng, chị D trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 85.833.000 đồng. Do chị D không trả, nên ông đồng ý giảm và chấp nhận cho chị D trả 50.000.000 đồng là chấm dứt nợ, với điều kiện phải trả dứt trong năm 2024. Chị D thừa nhận chị D có cam kết trả số tiền 50.000.000 đồng trong năm 2024, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên không trả được như cam kết. Còn số tiền 35.833.000 đồng, ông N và vợ đã chấp nhận cho, nên chị không đồng ý trả số tiền này. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2025, chị D khai với nội dung như trên nhưng không đồng ý ký tên (bút lục 22-23). Tại phiên toà ngày 23/01/2026, chị D cũng khai với nội dung như trên (bút lục 42). Như vậy, có sự việc chị D nợ tiền mua hàng hoá của ông N 85.833.000 đồng. Ông N chấp nhận cho chị D trả 50.000.000 đồng với điều kiện trả trong năm 2024. Đây được xem là hợp đồng tặng cho có điều kiện, do chị D vi phạm điều kiện thoả thuận (không trả nợ đúng cam kết), nên ông N yêu cầu chị D trả đủ số tiền nợ là có căn cứ.

[3.3] Từ những phân tích trên, chị D cho rằng chỉ nợ ông N 50.000.000 đồng, nhưng không có căn cứ chấp nhận; nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn chị Phạm Thị D không được chấp nhận kháng cáo, nên phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên toà có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 2, 3 Điều 284, khoản 3 Điều 298, điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị Diễm .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2026/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N.

2. Buộc bị đơn chị Phạm Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn N số tiền 85.833.000 đồng (T mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N về việc yêu cầu chị D trả số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

4. Về án phí dân sự:

4.1. Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị đơn chị Phạm Thị D phải chịu 4.291.650 đồng (Bốn triệu hai trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

4.2. Về án phí phúc thẩm: Buộc bị đơn chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001471 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 8, tỉnh Cà Mau;
- PTHADS khu vực 8, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã lý)**

Lê Phan Công Trí